**ĐỀ CƯƠNG**

 **BÁO CÁO NHANH ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP**

***(Phục vụ báo cáo Chính phủ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư)***

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo của chính phủ**

***a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư***

- Tổng số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công;

- Số lượng nhiệm vụ đã hoàn thành (*Liệt kê danh mục tên nhiệm vụ, văn bản giao việc, tên sản phẩm, thời gian hoàn thàn*h);

- Số lượng nhiệm vụ đang thực hiện (*Liệt kê danh mục tên nhiệm vụ, văn bản giao việc, tên sản phẩm dự kiến, tiến độ đến thời điểm báo cáo, dự kiến thời gian hoàn thành (nêu rõ chậm/đúng tiến độ theo phân công*);

*(Tuần đầu tiên thống kê nhiệm vụ theo 08 Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư*[[1]](#footnote-1)*; các tuần tiếp theo nếu Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận mới thì bổ sung các nhiệm vụ theo Kết luận mới).*

***b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo của chính phủ***

- Tổng số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công;

- Số lượng nhiệm vụ đã hoàn thành (*Liệt kê danh mục tên nhiệm vụ, văn bản giao việc, tên sản phẩm, thời gian hoàn thàn*h);

- Số lượng nhiệm vụ đang thực hiện (*Liệt kê danh mục tên nhiệm vụ, văn bản giao việc, tên sản phẩm dự kiến, tiến độ đến thời điểm báo cáo, dự kiến thời gian hoàn thành (nêu rõ chậm/đúng tiến độ theo phân công*);

**2. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ**

Thống kê theo tuần: (1) Số lượng văn bản đã ban hành liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền (chia theo từng loại văn bản); (2) Số lượng văn bản đang trong quá trình soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền (ghi rõ thời gian dự kiến ban hành).

*(Thống kê văn bản từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo, nêu rõ số văn bản có thay đổi so với tuần trước).*

**3. Về giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)**

- Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý;

- Số lượng TTHC thuộc ngành, lĩnh vực đã công bố, công khai trên Cổng dịch vụ công (DVC) Quốc gia; số lượng TTHC chưa công bố, công khai;

- Số TTHC toàn trình, số TTHC cung cấp DVC trực tuyến một phần; số TTHC chưa công bố DVC trực tuyến.

- Báo cáo cụ thể kết quả, tiến độ xây dựng, vận hành, liên thông, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã).

*(Trường hợp các tuần có thay đổi thì nêu rõ số lượng, nội dung thay đổi)*

**4. Nắm tình hình, giải quyết khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của địa phương, người dân, doanh nghiệp**

(1) Thành lập và cử các tổ công tác xuống địa phương nắm tình hình vận hành bộ máy chính quyền xã, phường, đặc khu để kịp thời tháo gỡ, hướng dẫn xử lý, khắc phục những vấn đề vướng mắc, khó khăn (*Số lượng tổ công tác, số lượng địa phương đã làm việc, hình thức làm việc, nắm tình hình*)[[2]](#footnote-2);

(2) Ban hành các văn bản hành chính trả lời phản ánh, kiến nghị, giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương (số lượng văn bản trả lời; đã giải quyết khó khăn, vướng mắc nào được nêu trong các báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Nội vụ,…);

(3) Hướng dẫn, tổ chức tập huấn, hỗ trợ, cùng các địa phương trong triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền theo mô hình mới[[3]](#footnote-3) ;

- Hình thức hướng dẫn, tổ chức tập huấn, hỗ trợ;

- Kết quả (đã tổ chức được bao nhiêu đợt tập huấn trực tiếp, trực tuyến; số lượng cán bộ, công chức, viên chức được tham gia tập huấn…).

**5. Kết quả thực hiện cụ thể thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**

Các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo kết quả thực hiện cụ thể thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó:

- Văn phòng Chính phủ báo cáo chi tiết về: (1) Các nội dung liên quan đến TTHC (tổng số hồ sơ TTHC qua Cổng DVC quốc gia, số lượng hoàn thành, số lượng quá hạn; số lượng hồ sơ trực tuyến/trực tiếp,…); (2) Vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công (hoạt động của các cơ sở dữ liệu, phần mềm liên thông trên Cổng DVC quốc gia) và các nội dung khác có liên quan.

- Bộ Tài chính báo cáo chi tiết về: (1) Tình hình quản lý, bố trí, sử dụng ngân sách địa phương (liên quan đến thực hiện CQĐP 02 cấp), việc mở tài khoản và bố trí kế toán ở các cơ quan, đơn vị; (2) Tình hình quản lý, giải quyết trụ sở, xe, tài sản công của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; (3) Tình hình chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp; (4) Tình hình lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển tỉnh, xã, phường, đặc khu và các nội dung khác có liên quan hoặc phát sinh.

- Bộ Nội vụ báo cáo chi tiết về: (1) Tình hình kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức; (2) Số lượng CB, CC, VC nghỉ chế độ và tình hình giải quyết cụ thể; (3) Đánh giá chung tình hình thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và các nội dung khác có liên quan hoặc phát sinh.

- Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo chi tiết về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trình độ và mức độ chuyển đổi số của các Bộ, ngành, địa phương và các nội dung khác có liên quan hoặc phát sinh.

- Bộ Tư pháp báo cáo chi tiết về tình hình, tiến độ xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội có liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và các nội dung khác có liên quan hoặc phát sinh.

**II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

(1) Nêu rõ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại các Kết luận, Kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

(2) Làm rõ nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc, lý do chậm tiến độ thực hiện nhiệm vụ; chủ thể chịu trách nhiệm xử lý, giải quyết.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ NHIỆM VỤ TRONG TUẦN TỚI**

(1) Nêu rõ nội dung đề xuất, kiến nghị, chủ thể được đề xuất, kiến nghị; kết quả/sản phẩm đề xuất, kiến nghị và thời gian thực hiện (theo tuần).

(2) Nêu rõ nhiệm vụ cần thực hiện trong tuần tới.

1. Kết luận số 174-KL/TW ngày 04/7/2025, Kết luận số 177-KL/TW, ngày 11/7/2025, Kết luận số 178-KL/TW ngày 17/7/2025, Kết luận số 179-KL/TW ngày 25/7/2025, Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025, Kết luận số 186-KL/TW ngày 29/8/2025; Kết luận số 192-KL/TW ngày 19/9/2025; Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. Kết luận số 178-KL/TW. [↑](#footnote-ref-2)
3. Kết luận số 179-KL/TW. [↑](#footnote-ref-3)